ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 481 /BC-UBND	*Bình thành, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện Chương trình MTQG, rà soát đánh giá thực trạng các tiêu chí nông thôn mới năm 2026 xã Bình Thành

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định áp dụng các nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 đối với xã Nhóm 2 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Công văn số 11061/SNNMT-KTHT&PTNT ngày 04/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG; rà soát tiêu chí NTM tại các xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2026;

UBND xã Bình Thành báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình MTQG và rà soát, đánh giá thực trạng các tiêu chí nông thôn mới năm 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã

Thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên, xã Bình Thành được thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 xã: Bình Thành và Sơn Phú.

Toàn xã có tổng diện tích tự nhiên là 43,3 km² Xã Bình Thành nằm ở khu vực phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, thuộc vùng An toàn khu (ATK) lịch sử. Ranh giới tiếp giáp cụ thể: Phía bắc giáp xã Phú Đình, Phía nam giáp xã Đức Lương). Phía đông giáp xã Trung Hội. Phía tây giáp xã Bình Yên, Địa bàn xã được chia thành 14 xóm: Tân Tiến, Sơn Pháng, Làng Luông, Hồng Thái, Hòa Bình, Đồng Tâm, Sơn Phú, Bản Giáo, Văn Trường, Quyết Tâm, Đoàn Kết, Bản Hin, Sơn Hồng, Sơn Đông.

Quy mô dân số toàn xã hiện có 2.877 hộ gia đình và quy mô dân số khoảng 11.474 nhân khẩu, gồm 21 dân tộc anh em cùng chung sống đoàn kết (dân tộc thiểu số chiếm trên 70% dân số, chủ yếu là dân tộc Tày, Nùng, Sán Chay, Dao...).

Địa hình: Địa hình đặc trưng của vùng trung du miền núi phía Bắc, thấp dần từ Tây sang Đông. Cấu trúc địa hình gồm các dải đồi bát úp lượn sóng xen kẽ các thung lũng hẹp và cánh đồng bằng phẳng ven suối, thuận lợi bố trí vùng sản xuất nông – lâm nghiệp tập trung (lúa nước, cây chè và rừng kinh tế).

Về đất đai và nông nghiệp: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn xã là 1.551,53 ha; trong đó đất trồng cây lâu năm là 840,29 ha, đất trồng cây hàng năm là 711,24 ha. Cây trồng chủ lực mũi nhọn là cây chè với tổng diện tích canh tác 629,1 ha; diện tích đất trồng cây hàng năm tập trung gieo cấy lúa đặc sản Nếp vải và rau màu giá trị cao.

Về kinh tế tập thể và làng nghề: Trên địa bàn có 13 công ty, doanh nghiệp và có 05 Hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động ổn định, 05 làng nghề truyền thống chế biến chè được UBND tỉnh công nhận (gồm 4 làng nghề truyền thống và làng nghề chè xóm Văn Trường), cùng trên 118 hộ kinh doanh. Xã đã có 01 sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao (Cốm Nếp vải Sơn Vinh) và 01 vùng nguyên liệu chè tập trung 2,9 ha được chứng nhận chất lượng (HTX Sơn Thắng).

2. Thuận lợi

Quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, sự giám sát của HĐND xã và sự chỉ đạo, điều hành của UBND xã Bình Thành; đồng thời nhận được sự quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025, bộ máy chính quyền xã Bình Thành cơ bản được kiện toàn, hoạt động ổn định, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Đội ngũ cán bộ, công chức xã cơ bản đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã có truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; có tinh thần trách nhiệm và ý thức cộng đồng cao. Nhân dân cơ bản đồng thuận, tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia các phong trào thi đua, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và chung sức xây dựng nông thôn mới. Đây là nguồn lực quan trọng góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

3. Khó khăn:

Địa bàn xã sau sắp xếp có diện tích rộng, địa hình đồi núi, dân cư phân bố không tập trung, một số khu vực còn cách xa trung tâm xã; hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống như giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa, trường học, nước sạch và các công trình thiết yếu khác chưa đồng bộ, một số công trình đã xuống cấp, nhu cầu đầu tư, sửa chữa, nâng cấp còn lớn, trong khi nguồn lực đầu tư của địa phương còn hạn chế.

Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp; quy mô sản xuất của các hộ còn nhỏ lẻ, phân tán, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa và công nghệ trong sản xuất chưa đồng đều. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực, nhất là chè và lúa gạo, mặc dù có tiềm năng nhưng việc tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, xây dựng vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng, chế biến sâu, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ còn hạn chế.

Hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác và các mô hình liên kết sản xuất trên địa bàn còn một số khó khăn; năng lực quản trị, tổ chức sản xuất, liên kết giữa người dân với hợp tác xã và doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ. Việc hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm còn ở quy mô nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ trên địa bàn phát triển chưa mạnh, quy mô sản xuất, kinh doanh còn nhỏ; chưa hình thành được nhiều ngành nghề, cơ sở sản xuất có khả năng tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn, phát triển ngành nghề nông thôn, chế biến nông sản và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất còn gặp nhiều khó khăn.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Nhằm thực hiện đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia theo định hướng của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Nguyên, trọng tâm là đưa xã Bình Thành về đích Nông thôn mới năm 2026 kết hợp chặt chẽ với công tác giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Đảng ủy, HĐND, UBND xã đã phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và vai trò tiên phong của cả hệ thống chính trị. Bám sát Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh về triển khai các Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030 và Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí NTM, Đảng ủy và UBND xã đã kịp thời chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tham mưu, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực và ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể:

- Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 27/5/2026 về Phát động "Thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030" gắn với lễ ra quân "Ngày thứ bảy xanh" trên địa bàn xã Bình Thành;

- Quyết định 425/QĐ-UBND, ngày12/6/2026 của UBND xã Bình Thành về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêuquốc gia giai đoạn 2026-2030 xã Bình Thành;

- Quyết định số 353-QĐ/ĐU ngày 21/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bình Thành về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng xã Bình Thành đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2026 (gồm 27 đồng chí, do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban).

- Quyết định 655/QĐ-UBND, ngày 21/8/2026 của UBND xã Bình Thành về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 xã Bình Thành;

- Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 28/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Bình Thành về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng xã Bình Thành đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2026;

- Quyết định số 392-QĐ/ĐU ngày 07/9/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bình Thành về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng xã Bình Thành đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2026;

- Kế hoạch số 268/KH-UBND ngày 07/9/2026 của UBND xã Bình Thành về xây dựng xã Bình Thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2026;

Trên cơ sở đó, phân công cụ thể lãnh đạo UBND xã và các phòng, ban, cơ quan, đơn vị phụ trách từng chỉ tiêu, tiêu chí; đồng thời xác định rõ trách nhiệm theo từng lĩnh vực, địa bàn trong tổ chức thực hiện.

Chỉ đạo, hướng dẫn các thôn thành lập và kiện toàn Ban Phát triển thôn; tiến hành rà soát các tiêu chí gắn với nhiệm vụ giảm nghèo để xây dựng kế hoạch triển khai thôn nông thôn mới sát với tình hình thực tế của địa phương.

2. Kết quả triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân

Ngay từ đầu năm 2026, UBND xã Bình Thành đã giao Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã chủ trì triển khai thực hiện các mô hình, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn, tập trung vào các cây trồng có thế mạnh của địa phương, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thu nhập cho người dân. Trong đó, đã triển khai thực hiện cụ thể như sau:

a) Mô hình sản xuất lúa nếp Vải theo hướng hữu cơ trên địa bàn xã Bình Thành năm 2026. Tổng kinh phí thực hiện mô hình 369.236.800 đồng.

Trong đó kinh phí Nhà nước hỗ trợ 271.000.000 đồng, kinh phí đối ứng của các hộ dân tham gia mô hình 98.236.800 đồng.

Tiến độ thực hiện: Đến nay đã thực hiện hỗ trợ đầy đủ theo kế hoạch; các hộ dân đã tiếp nhận vật tư, đang triển khai chăm sóc lúa theo quy trình, hướng dẫn kỹ thuật.

b) Phương án hỗ trợ trồng chè mới, trồng chè thay thế năm 2026 trên địa bàn xã Bình Thành. Tổng kinh phí hỗ trợ 272.000.000 đồng.

Tiến độ thực hiện: Đã cấp phát xong cây giống cho các hộ dân thực hiện phương án; đang hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục để thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

3. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của xã

3.1. Tổng các nguồn vốn thực hiện chương trình

* Tổng kinh phí: **19.915** triệu đồng, ***trong đó:***

- Ngân sách trung ương: 6.405 triệu đồng, chiếm 32,1 %.

- Ngân sách cấp tỉnh: 7.591 triệu đồng, chiếm 38,1 %.

- Ngân sách cấp xã: 1.419 triệu đồng, chiếm 7,1%.

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: 4.500 triệu đồng (xi măng 3.000 tấn x 1,5 triệu đồng/ tấn), chiếm 22,6%.

- Vốn tín dụng: 0 triệu đồng, chiếm 0 %.

- Doanh nghiệp: 0 triệu đồng, chiếm 0 %.

- Nhân dân đóng góp: 0 triệu đồng, chiếm 0 %.

- Vốn huy động khác *(nếu có)*: 0 triệu đồng, chiếm 0 %.

3.2. Cụ thể các nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM:

a. Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 tổng số tiền: 17.283 triệu đồng, trong đó

+ Nguồn vốn đầu tư: 13.888 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách trung ương: 3.378 triệu đồng, chiếm 24,3 %.

- Ngân sách cấp tỉnh: 5.000 triệu đồng, chiếm 36 %.

- Ngân sách cấp xã: 1.010 triệu đồng, chiếm 7,27%.

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: 4.500 triệu đồng (xi măng 3000 tấn x 1,5 triệu đồng/ tấn), chiếm 32,4%.

+ Nguồn kinh phí chi thường xuyên: 3.395 triệu đồng, gồm

- Ngân sách trung ương: 1.057 triệu đồng, chiếm 31,1 %.

- Ngân sách cấp tỉnh: 2.000 triệu đồng, chiếm 59 %.

- Ngân sách cấp xã: 338 triệu đồng, chiếm 10%.

b. Nguồn vốn đầu tư công thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030 số tiền: 2.080 triệu đồng, trong đó

- Ngân sách trung ương: 1.545 triệu đồng, chiếm 74,2 %.

- Ngân sách cấp tỉnh: 464 triệu đồng, chiếm 22,3 %.

- Ngân sách cấp xã: 71 triệu đồng, chiếm 3,41 %.

c. Nguồn kinh phí thường xuyên thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2025 đến năm 2030 số tiền 552 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 425 triệu đồng, chiếm 77 %.

- Ngân sách cấp tỉnh: 127 triệu đồng, chiếm 23 %.

- Ngân sách cấp xã: 0 triệu đồng, chiếm 0%.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Căn cứ Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 áp dụng đối với Xã nhóm 2 (gồm 10 tiêu chí, 47 chỉ tiêu), UBND xã Bình Thành tiến hành rà soát hiện trạng thực tế trên địa bàn xã mới sau sáp nhập, kết quả đánh giá tổng hợp như sau:

Tổng số tiêu chí rà soát: 10 tiêu chí (47 chỉ tiêu).

- Số tiêu chí đạt: 01/10 tiêu chí (Tiêu chí số 9 - Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công đạt 3/3 chỉ tiêu).

- **Số tiêu chí chưa đạt:** 09/10 tiêu chí (chiếm 90%), gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch); Tiêu chí 2 (Hạ tầng kinh tế - xã hội); Tiêu chí 3 (Phát triển kinh tế nông thôn); Tiêu chí 4 (Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn); Tiêu chí 5 (Văn hóa, Giáo dục, Y tế); Tiêu chí 6 (Giảm nghèo và An sinh xã hội); Tiêu chí 7 (Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số); Tiêu chí 8 (Môi trường và cảnh quan nông thôn); Tiêu chí 10 (Tiếp cận pháp luật và An ninh Quốc phòng).

- **Số chỉ tiêu thành phần đã đạt chuẩn**: 28/47 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 59,6%

- **Số chỉ tiêu thành phần chưa đạt**: 19/47 chỉ tiêu, chiếm tỷ lệ 40,4%.

- **Tổng số chỉ tiêu chi tiết rà soát:** 68 chỉ tiêu.

+ Số chỉ tiêu chi tiết ĐẠT: **46/68 chỉ tiêu**, chiếm tỷ lệ **67,6%**.

+ Số chỉ tiêu chi tiết CHƯA ĐẠT: **22/68 chỉ tiêu**, chiếm tỷ lệ **32,4%**.

Kết quả rà soát và đánh giá chi tiết theo từng tiêu chí cụ thể như sau:

2.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch (Gồm 03 chỉ tiêu: Đạt 0/3; Chưa đạt 3/3)

a. Yêu cầu của tiêu chí

Chỉ tiêu 1.1 (Quy hoạch chung xã):

Đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xã Bình Thành.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: UBND xã hoàn thiện hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung; xây dựng đồ án quy hoạch xã trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức công bố công khai và ban hành kế hoạch triển khai.

Kinh phí dự kiến: 450 triệu đồng.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế phối hợp Văn phòng HĐND & UBND xã.

Chỉ tiêu 1.2 (Quy hoạch chi tiết trung tâm xã/điểm dân cư mới): Đang trình duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung, chưa lập đồ án quy hoạch chi tiết.

Đánh giá: **Chưa Đạt.**

Khối lượng cần làm: Lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15.

Kinh phí dự kiến: 250 triệu đồng.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 1.3 (Quy chế quản lý kiến trúc): Chưa xây dựng.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: Lập dự thảo Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn tích hợp vào Đồ án quy hoạch chung theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 1: chưa đạt. Tổng kinh phí cần thực hiện: 700 triệu đồng.

2.2. Tiêu chí số 2 - Hạ tầng kinh tế - xã hội (Gồm 08 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 5/8; Chưa đạt 3/8)

Chỉ tiêu 2.1.1 (Kết nối, bảo trì và trồng cây xanh đường xã): Đường xã đảm bảo kết nối và bảo trì hàng năm. Chiều dài đường xã đã trồng cây xanh là 58,5 km/131 km (đạt 44,6%, cần trồng thêm 10 km chiếm 12% để đạt theo yêu cầu của tiêu chí đề ra là ≥50%).

Đánh giá: **Chưa Đạt**. Cần trồng bổ sung cây xanh dọc 10 km đường xã (chiếm 5,4%).

Kinh phí: 50 triệu đồng.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 2.1.2 (Cấp kỹ thuật và cứng hóa đường thôn ngõ xóm): Đường xã 18,8 km đạt chuẩn cấp B (100%); đường liên xóm 27,2 km đạt 100%. Đường thôn, ngõ, xóm tổng số 85,1 km, đã bê tông hóa 67,0 km (đạt 78,2%, yêu cầu ≥90%).

Đánh giá: ***Chưa Đạt***.

Khối lượng cần làm: Cần bê tông hóa thêm 10 km đường ngõ xóm.

Kinh phí: 9.354 triệu đồng (Trung ương: 2.015 triệu; Tỉnh: 2.015 triệu; Xã đối ứng: 1.345 triệu; Xi măng hỗ trợ: 3.979 triệu đồng)

Chỉ tiêu 2.2.1 (Tưới tiêu chủ động): Theo kiểm kê đất đai tháng 12/2025, tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.551,53 ha; diện tích đất được tưới và tiêu nước chủ động đạt 1.256 ha / 1.551,53 ha = **80,95%** (yêu cầu xã nhóm II là ≥80%).

Đánh giá: **ĐẠT**.

Khối lượng: Hoàn thiện hợp đồng, biên bản thống nhất kế hoạch cung cấp dịch vụ công ích thủy lợi làm minh chứng.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 2.2.2 (Tưới tiên tiến, tiết kiệm cho cây chủ lực):): Diện tích cây chè áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm là 98 ha / 629,1 ha = **15,5%** (yêu cầu >15%).

Đánh giá: **Đạt.**

Khối lượng: Có kế hoạch tưới tiết kiệm; thuyết minh loại biện pháp tưới tiết kiệm áp dụng; số diện tích cây trồng chủ lực áp dụng tưới tiết kiệm.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 2.3 (Phòng chống thiên tai 4 tại chỗ): Chấm điểm theo Hướng dẫn số 10543/HD-SNNMT ngày 25/8/2026 đạt **81 điểm** (xếp loại Khá từ 70 - 85 điểm); có quyết định phê duyệt kế hoạch PCTT 5 năm và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro.

Đánh giá: **Đạt.**

Khối lượng: Ban hành quyết định và danh sách Đội xung kích PCTT xã.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 2.4 (Điện nông thôn): Đến thời điểm hiện tại hệ thống điện của địa phương xã đã đạt chuẩn, tỷ lệ hộ dân đăng ký trực tiếp và sử dụng điện an toàn 2877/2877 hộ = 100%. Tổng số hộ đăng ký trực tiếp với điện lực huyện khu vực Định Hóa và được dùng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định theo quy định trên địa bàn toàn xã là 2877/2877 hộ đạt 100%.

***Đánh giá:* Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 2.5 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): Hiện có 02 chợ (Chợ Sơn Phú và Chợ Bình Thành). Cả 02 chợ đều chưa đảm bảo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm, nhiều hạng mục xuống cấp hư hỏng (Chợ Sơn Phú hỏng nhà vệ sinh, sạp bán thịt cũ không đảm bảo vệ sinh, hỏng thoát nước, thiếu nước sạch; Chợ Bình Thành các sạp bán thực phẩm tươi sống chưa đạt).

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: Nâng cấp, cải tạo sạp thực phẩm tươi sống, khu vệ sinh, cấp thoát nước 02 chợ.

Kinh phí: **600 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp.

Chỉ tiêu 2.6 (Hạ tầng viễn thông): Thực hiện Hướng dẫn 3781/HD-BKHCN và Văn bản 3203/SKHCN-BCVT; 14/14 xóm có mạng di động 4G/5G và mạng Internet băng rộng cố định cáp quang.

Đánh giá: **ĐẠT**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 2: Chưa Đạt. Tổng kinh phí cần thực hiện: **10.004 triệu đồng**.

2.3. Tiêu chí số 3 - Phát triển kinh tế nông thôn (Gồm 13 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 8/13; Chưa đạt 5/13)

Chỉ tiêu 3.1 (Tốc độ tăng thu nhập): Năm 2025 đạt 52,6 triệu đồng/người/năm.

Năm 2026 cần tăng trưởng ≥ 9,5%, tương đương đạt ≥ 57,6 triệu đồng/người/năm.

Đánh giá: **Chưa đạt**

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 3.2 (Vùng nguyên liệu tập trung): Có 01 vùng nguyên liệu chè 2,9 ha của HTX Sơn Thắng.

Đánh giá: **Đạt.**

Khối lượng cần làm: Thực hiện cấp mã số vùng trồng cho thêm 5,0 ha chè.

Kinh phí: 25 triệu đồng.

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

Chỉ tiêu 3.3 (Mô hình CNC/ kinh tế xanh / tuần hoàn): Hiện có 01 mô hình sản xuất lúa Nếp vải hữu cơ (yêu cầu tối thiểu 02 mô hình CNC hoặc 01 mô hình tuần hoàn có chứng nhận).

Đánh giá: **Chưa Đạt.**

Khối lượng cần làm: Bổ sung minh chứng mô hình ứng dụng CNC hoặc tuần hoàn.

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

Chỉ tiêu 3.4 (Phát triển sản phẩm OCOP):

3.4.1 (Kế hoạch OCOP): Đã ban hành Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã.

Đánh giá: **Đạt**.

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

3.4.2 (Sản phẩm OCOP đạt chuẩn): Có 01 sản phẩm 3 sao (Cốm Nếp vải Sơn Vinh còn thời hạn).

Đánh giá: **Chưa đạt.**

Khối lượng cần làm: Gia hạn sản phẩm Cốm Sơn Vinh và phát triển thêm 01 sản phẩm chè đạt chuẩn OCOP 3 sao.

Kinh phí: 60 triệu đồng.

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

3.4.3 (Chủ thể HTX): Có 01 HTX Phú Đạt do bà Nguyễn Thị Nguyệt làm giám đốc, có 01 HTX Thành Công do ông Ma Khánh Cân DTTS làm Giám đốc.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

Chỉ tiêu 3.5 (Mô hình du lịch nông thôn): Chỉ tiêu 3.5.1 và 3.5.2 chưa đạt do xã Bình Thành hiện không có quy hoạch điểm du lịch cộng đồng và chưa có số liệu tăng trưởng khách du lịch.

Đánh giá: **Chưa Đạt**

Đơn vị phụ trách: Phòng VH-XH.

Chỉ tiêu 3.6 (HTX hoạt động hiệu quả): Có 05 HTX, tiêu biểu HTX Phú Đạt liên kết sản xuất hiệu quả.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

Chỉ tiêu 3.7 (Tổ Khuyến nông cộng đồng): Đã thành lập và hoạt động hiệu quả 01 tổ.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

Chỉ tiêu 3.8 (Hộ nông dân SXKD giỏi): Toàn xã có 1.401 hội viên; năm 2025 có 840 hộ đăng ký; bình xét có 421 hộ đạt danh hiệu SXKD giỏi, đạt tỷ lệ **50,1%** (yêu cầu ≥50%).

Đánh giá: **Đạt**.

Khối lượng cần làm: Tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật, liên kết tiêu thụ trong quý IV/2026 (20 triệu); hỗ trợ nhân rộng mô hình SXKD giỏi (25 triệu); rà soát hồ sơ minh chứng (15 triệu).

Kinh phí: **60 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Hội nông dân.

Chỉ tiêu 3.9 (Kinh tế tư nhân):): Đã ban hành Kế hoạch 23-KH/ĐU ngày 20/10/2025 của Đảng ủy và Kế hoạch 80/KH-UBND ngày 29/10/2025 của UBND xã; có 5 HTX và trên 118 hộ kinh doanh đang hoạt động.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 3.10 (Làng nghề): Có 05 làng nghề chè được công nhận còn hiệu lực.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Trung tâm DVTH.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 3: Chưa Đạt. Tổng kinh phí cần thực hiện: **145 triệu đồng**.

2.4. **Tiêu chí số 4 - Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn (Gồm 02 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 1/2; Chưa đạt 1/2)**

a. Yêu cầu của tiêu chí

Chỉ tiêu 4.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: Đạt ≥35% (đối với xã đạt chuẩn NTM).

Chỉ tiêu 4.2: Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông: Đạt ≥50%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chỉ tiêu 4.1 (Tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ): Theo Hướng dẫn số 315 ngày 11/8/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thái Nguyên; tổng số lao động trong độ tuổi là 7.594 người; số có bằng cấp, chứng chỉ đạt 2.598 người, chiếm **34,21%** (yêu cầu ≥35%, còn thiếu 0,79% tương đương 60 người).

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: Mở 02 lớp đào tạo nghề trình độ dưới 3 tháng cho 60 lao động nông thôn (quy mô 30 học viên/lớp, thời gian học 73 ngày, kinh phí 75 triệu đồng/lớp theo QĐ 46/2015/QĐ-TTg và TT 27/2026/TT-BTC).

Kinh phí: **150 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Chỉ tiêu 4.2 (Học sau THPT): Số người theo học các trình độ sau THPT đạt 3.850 / 7.594 người = **50,69%** (yêu cầu ≥50%).

Đánh giá: **Đạt.**

Khối lượng cần làm: Ban hành quyết định của Chủ tịch UBND xã công nhận tỷ lệ và lập danh sách minh chứng.

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 4: Chưa đạt. Tổng kinh phí cần thực hiện: 150 triệu đồng.

2.5. Tiêu chí số 5 - Văn hóa, Giáo dục, Y tế (Gồm 11 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 10/11; Chưa đạt 1/11)

Chỉ tiêu 5.1 (Phát triển văn hóa): Đạt toàn diện 6/6 nội dung về: Cơ sở vật chất văn hóa; Hoạt động văn hóa cơ sở (tổ chức 5-7 hoạt động/năm, có 2-4 CLB); Đời sống văn hóa (14/14 xóm có hương ước, bảo tồn lễ hội truyền thống Sơn Hồng); Di sản văn hóa (03 di tích quốc gia, 03 di tích cấp tỉnh); Chuyển đổi số truyền thanh thông minh 100% xóm; Nhân lực có bằng cấp quản lý văn hóa.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Chỉ tiêu 5.2 (Phát triển giáo dục):

5.2.1: 6/6 trường học (100%) đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (02 trường đạt mức 2).

Đánh giá: **Đạt.**

Kinh phí hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ, cơ sở vật chất: **227,192 triệu đồng**.

5.2.2: Tỷ lệ hoàn thành THPT đạt 88,48% (448/506 người, yêu cầu ≥85%).

Đánh giá: **Đạt**

5.2.3: Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp THPT đạt 97,4% (600/616 cháu).

Đánh giá: **Đạt**

5.2.4 và 5.2.5: Đạt chuẩn PCGD mầm non trẻ 3-5 tuổi (687/687 cháu = 100%) và duy trì chuẩn cho trẻ 5-6 tuổi (133/133 cháu = 100%).

Đánh giá: **Đạt.**

5.2.6: Giáo dục bắt buộc hết THCS đạt 100% (130/130 cháu).

Đánh giá: **Đạt**

5.2.7: Có Trung tâm HTCĐ nhưng chưa nâng cấp thành trung tâm học tập số (cần trang bị phòng học số, máy tính kết nối Internet, màn hình tivi lớn, loa mic trực tuyến, điện dự phòng).

Đánh giá: **Chưa đạt**

5.2.8: *:* Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo Quyết định số 290/QĐ-UBND tỉnh.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Chỉ tiêu 5.3 & 5.4 (Y tế): Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030 (QĐ số 2642/QĐ-UBND của UBND tỉnh); khám BHYT và quản lý sức khỏe toàn dân đạt tỷ lệ cao.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Y tế.

=> **Đánh giá tổng thể Tiêu chí 5: Chưa Đạt** (do còn chỉ tiêu 5.2.7). Tổng kinh phí thực hiện: **227,192 triệu đồng**

2.6. **Tiêu chí số 6 - Giảm nghèo và An sinh xã hội (Gồm 09 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 6/9; Chưa đạt 3/9)**

Chỉ tiêu 6.1: Theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 19/12/2025, tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2026 là **4,71% tương ứng 135 hộ** (trong đó hộ nghèo 82 hộ = 2,86%; hộ cận nghèo 53 hộ = 1,85%), đạt yêu cầu của xã nhóm II (<5%). Kế hoạch cuối năm 2026 phấn đấu giảm thêm 28 hộ nghèo và 5 hộ cận nghèo.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 6.2: Tổng số hộ dân là 2.877 hộ; số hộ có nhà ở kiên cố đạt 2.734 hộ, đạt tỷ lệ **95,03%** (yêu cầu ≥85%).

Khối lượng: Tiếp tục rà soát, đối chiếu niên hạn đối với 143 hộ chưa kiên cố để cập nhật hồ sơ.

Đánh giá: **Đạt**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 6.3: (Nước sạch hợp quy chuẩn)

*Chỉ tiêu 6.3.1:*Tỷ lệ hộ dùng nước sạch quy chuẩn đạt **73,0%** (yêu cầu ≥70%).

Đánh giá: **Đạt.**

Khối lượng: Lấy và xét nghiệm 30 mẫu nước trên địa bàn xã.

Kinh phí: **90 triệu đồng**

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 6.3.2: Tỷ lệ hộ dùng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt **5,2%**.

Đánh giá: **Đạt.**

Chỉ tiêu 6.4: 1.100/1.300 hộ hội viên phụ nữ đạt chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an" (84,6%).

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Hội phụ nữ.

Chỉ tiêu 6.5 (Bình đẳng giới và phòng ngừa bạo lực giới): Đang tổ chức tuyên truyền trên loa truyền thanh xã và các xóm; chưa lập đủ hồ sơ minh chứng theo quy định.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Chỉ tiêu 6.6 (Phòng chống xâm hại và trợ giúp trẻ em):

Chỉ tiêu 6.6.1: Hoàn thiện kế hoạch tập huấn kỹ năng bảo vệ trẻ em cho 750 hộ gia đình;

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Chỉ tiêu 6.6.2: Đang rà soát đảm bảo trên 92% trẻ em có HCĐB được trợ giúp.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Kinh phí: **35 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Chỉ tiêu 6.7: (An toàn thực phẩm): 27/27 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (100%) tuân thủ đúng quy định về an toàn thực phẩm.

Đánh giá: **Đạt.**

Đơn vị phụ trách: Trạm Y tế xã.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 6: Chưa Đạt (do vướng chỉ tiêu 6.5 và 6.6). Tổng kinh phí thực hiện: **125 triệu đồng**.

2.7. **Tiêu chí số 7 - Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số (Gồm 08 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 7/8; Chưa đạt 1/8)**

Chỉ tiêu 7.1 (Điểm bưu chính công cộng và chính quyền số): Duy trì ổn định 02 điểm bưu chính công cộng; có máy tính kết nối Internet hỗ trợ công dân nộp dịch vụ công trực tuyến; cung cấp dịch vụ thư, gói kiện đúng quy định.

Đánh giá: **ĐẠT**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Chỉ tiêu 7.2 (Số hóa dữ liệu Nông nghiệp và Môi trường - 5 chỉ tiêu thành phần): Đạt 100% các chỉ tiêu: 100% hồ sơ dùng chữ ký số; số hóa hồ sơ phát sinh mới; 73/73 TTHC cung cấp DVCTT toàn trình; 142/142 hồ sơ xử lý điện tử; tỷ lệ khai thác dữ liệu số đạt 91% (yêu cầu ≥90%).

Đánh giá: **ĐẠT**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 7.3 (Thương mại điện tử): Chưa thành lập Tổ hỗ trợ TMĐT cộng đồng; kỹ năng số và năng lực kinh doanh trực tuyến của hộ kinh doanh, người dân còn yếu; chưa có phiên livestream bán nông sản.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: Đào tạo kỹ năng số, thành lập tổ TMĐT cộng đồng, đưa nông sản lên sàn TMĐT. Kinh phí: **31,58 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Chỉ tiêu 7.4 (Có mô hình Thôn thông minh): Đã cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn tại xóm Quyết Tâm (100% hộ dân tiếp cận cáp quang, mạng 5G phủ sóng 99% dân cư; nhà văn hóa xóm kết nối Internet).

Đánh giá: **Đạt**.

Khối lượng hoàn thiện: Mua sắm máy tính đồng bộ, Webcam 4K, loa mic không dây, tivi thông minh tại Nhà văn hóa xóm Quyết Tâm.

Kinh phí: **80,1 triệu đồng**. Đơn vị phụ trách: Phòng Văn hóa - Xã hội.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 7: Chưa Đạt (do còn chỉ tiêu 7.3). Tổng kinh phí cần thực hiện: **111,68 triệu đồng**.

2.8. Tiêu chí số 8 - Môi trường và cảnh quan nông thôn (Gồm 07 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 4/7; Chưa đạt 3/7)

Chỉ tiêu 8.1 (Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt): Tỷ lệ thu gom, xử lý CTR sinh hoạt đạt 78% (yêu cầu ≥80%); tỷ lệ chôn lấp trực tiếp 21% (yêu cầu ≤50%).

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng: Tăng tỷ lệ thu gom thêm 5%; thành lập tổ vệ sinh môi trường; ký hợp đồng dịch vụ thu gom, xử lý với đơn vị chuyên trách.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

- Chỉ tiêu 8.2 (Chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp): Chất thải chăn nuôi được thu gom, xử lý đạt 19.550 / 21.590 kg/ngày = **90,55%**; phụ phẩm nông nghiệp tái chế đạt 13.340 / 14.757 tấn/năm = **90,39%** (yêu cầu ≥90%).

Đánh giá: **ĐẠT**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

- Chỉ tiêu 8.3 (Môi trường làng nghề, cơ sở sản xuất): 100% cơ sở (05 làng nghề chè và 05 HTX) có phương án bảo vệ môi trường được phê duyệt và có tổ tự quản môi trường hoạt động.

Đánh giá: **ĐẠT**.

Đơn vị phụ trách: Phòng Kinh tế.

Chỉ tiêu 8.4 (Thoát nước mặt và xử lý nước thải sinh hoạt):

Chỉ tiêu 8.4.1: Chưa có phương án tổng thể thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Chỉ tiêu 8.4.2: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý phi tập trung đạt 1.447 / 2.877 hộ = **50,29%** (yêu cầu ≥50%).

Đánh giá: **ĐẠT**.

Chỉ tiêu 8.4.3: Công trình xử lý tập trung (không quy định đối với xã Nhóm II).

Đánh giá: **ĐẠT**.

Chỉ tiêu 8.5 (Cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp): Đánh giá thực trạng đạt khoảng 70%: Tỷ lệ cây xanh đường xã đạt 14,2/18,8 km (75,5%); đường liên xóm đạt 18/27,2 km (66,17%); đường thôn ngõ xóm đạt 60/85,1 km (70,5%); nạo vét được 60,68 km kênh mương theo phong trào "Thứ Bảy xanh".

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: Trồng cây xanh, lắp đặt đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng tuyến đường liên xã xóm Quyết Tâm dài 1,3 km / 27,2 km = 4,77%.

Kinh phí: **150 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: UB MTTQ xã phối hợp các đoàn thể.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 8: Chưa Đạt. Tổng kinh phí cần thực hiện: **150 triệu đồng**.

2.9. Tiêu chí số 9 - Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công (Gồm 03 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 3/3; Chưa đạt 0/3)

Chỉ tiêu 9.1 (Chất lượng hệ thống chính trị): Năm 2025 có 100% cơ quan, đơn vị, đoàn thể thuộc UBND xã xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên; năm 2026 đang tiếp tục thực hiện đánh giá kiểm điểm hàng tháng.

Đánh giá: **Đạt**.

Đơn vị phụ trách: UB MTTQ xã.

Chỉ tiêu 9.2 (Trung tâm Phục vụ hành chính công và DVCTT toàn trình):

Chỉ tiêu 9.2.1: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã vận hành hiệu quả theo Hướng dẫn 2857/HD-BTP và Hướng dẫn 951/VP-TTPVHCC; niêm yết công khai đầy đủ TTHC tại bộ phận một cửa và Cổng thông tin điện tử xã.

Đánh giá: **Đạt**.

Chỉ tiêu 9.2.2: 100% hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (yêu cầu ≥92%).

Đánh giá: **Đạt**.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 9: đạt chuẩn toàn diện (3/3 chỉ tiêu)..

2.10. Tiêu chí số 10 - Tiếp cận pháp luật và An ninh Quốc phòng (Gồm 04 chỉ tiêu chi tiết: Đạt 2/4; Chưa đạt 2/4)

Chỉ tiêu 10.1 (Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật): Căn cứ Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg và Thông tư 15/2025/TT-BTP; do rà soát giữa kỳ nên chưa đến thời điểm họp đánh giá cuối năm. Các nội dung đang triển khai tích lũy minh chứng đối với 03 tiêu chí, 14 chỉ tiêu.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: Rà soát hồ sơ, chi trả thù lao hòa giải viên, bổ sung tài liệu pháp luật và hoàn thiện hồ sơ tự chấm điểm.

Kinh phí: **30 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Văn phòng HĐND & UBND xã.

Chỉ tiêu 10.2 (An ninh trật tự và Lực lượng bảo vệ ANTT cơ sở): Năm 2025 đạt phân loại xuất sắc phong trào Toàn dân bảo vệ ANTQ; đã xây dựng mới 02 mô hình dân vận khéo gồm mô hình Tổ tự quản "xóm không ma túy" (xóm Sơn Đầu) và "Zalo kết nối ANTT" (xóm Sơn Thắng); đã thành lập và kiện toàn đủ 14 Tổ bảo vệ ANTT với 70 thành viên theo Nghị quyết 67/2026/NQ-HĐND và QĐ 2410/QĐ-UBND tỉnh.

Đánh giá: **Đạt**.

Khối lượng duy trì: Tổ chức 07 hội nghị tuyên truyền pháp luật và cấp kinh phí hoạt động.

Kinh phí: **46,2 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Công an xã.

- Chỉ tiêu 10.3 (Camera AI giám sát an ninh): Hiện chưa lắp đặt hệ thống camera AI tập trung.

Đánh giá: **Chưa Đạt**.

Khối lượng cần làm: Công an xã đề xuất lắp đặt 15 mắt Camera AI đạt chuẩn QCVN 135:2024/BTTTT tại Trụ sở UBND, Đảng ủy, cổng các trường học và các ngã ba trọng điểm.

Kinh phí: **198,635 triệu đồng**.

Đơn vị phụ trách: Công an xã.

- Chỉ tiêu 10.4 (Quân sự, quốc phòng): Căn cứ Hướng dẫn 2223/HD-BCH; Ban CHQS xã đủ biên chế, đúng cơ cấu; tỷ lệ đảng viên trong DQTV, thôn đội trưởng đạt >32%; kiểm tra huấn luyện 100% đạt yêu cầu (>85% khá, giỏi); hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân.

Đánh giá: **ĐẠT**.

Đơn vị phụ trách: Ban Chỉ huy Quân sự xã.

=> Đánh giá tổng thể Tiêu chí 10: Chưa Đạt. Tổng kinh phí cần thực hiện: **274,835 triệu đồng**.

3. Kế hoạch hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện: 11.888 triệu đồng (đã bao gồm hỗ trợ hiện vật xi măng của tỉnh, ngân sách cấp trên, ngân sách xã đối ứng và nhân dân đóng góp).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Thực hiện các văn vản chỉ đạo của UBND tỉnh và các Sở ngành về việc thực hiện phát triển sản phẩm OCOP UBND nhân dân xã Bình Thành đã ban hành các văn bản lãnh đạo chỉ đạo thực hiện Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" (OCOP), cụ thể như sau:

- Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 02/5/2026 về việc Thành lập Tổ tư vấn Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) xã Bình Thành.

- Công văn số 966/UBND-TTDVTH ngày 08/7/2026 của UBND xã Bình Thành về việc triển khai thực hiện Quyết định số 26/2026/QĐ-TTg ngày 22/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Công văn số 349/UBND-TTDVTH ngày 30/3/2026 của UBND xã Bình Thành về việc thông báo sản phẩm OCOP hết thời hạn chứng nhận và sản phẩm OCOP sẽ hết hạn chứng nhận năm 2026.

- Công văn số 1097/UBND-TTDVTH ngày 30/7/2026 của UBND xã Bình Thành về việc tham gia góp ý dự thảo Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030.

- Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 04/9/2026 của UBND xã Bình Thành về Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP xã Bình Thành giai đoạn 2026-2030.

- Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 07/9/2026 của UBND xã Bình Thành về Kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP xã Bình Thành giai đoạn 2026-2030.

Bên cạnh đó, UBND xã đã chỉ đao các phòng, cơ quan chuyên môn phối hợp tổ chức tuyên truyền về Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) trên địa bàn xã với nhiều hình thức như: Tuyên truyên trên trang truyền thông của xã, trên cụm loa truyền thanh, lồng ghép trong các hội nghị của xã, của xóm. Đặc biệt UBND nhân đã Phối hợp với Tổ chức Stichting Ofam Novib tại Việt Nam, Liên Minh HTX Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Thái Nguyên thực hiện Dự án "Phát triển Chuối giá trị chè bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và bình đẳng giới tại tỉnh Thái Nguyên" thông qua các nội dung, thành phần

của dự án đã tổ chức các lớp tập huấn về tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh Thái Nguyên về phát triển kinh tế tập thể, HTX; Luật hợp tác xã năm 2023; lợi ích mang lại từ mô hình HTX; hướng dẫn quy trình thành lập hợp tác xã, Tổ hợp tác; quy trình sản xuất chế biến các sản phẩm chè; kỹ năng bán hàng, quảng bá sản phẩm, hướng dẫn các chủ thể tham gia phát triển sản phẩm OCOP…

2. Kết quả thực hiện trên địa bàn xã

- Danh sách sản phẩm OCOP được công nhận trên địa bàn xã Bình Thành gồm:

STT	Tên sản phẩm	Phân loại sản phẩm				Xếp hạng		Chủ thể		Địa chỉ trước sáp nhập
		Ngành	Nhóm	Phân nhóm	Loại SP	Hạng (sao)	Năm xếp	Tên chủ thể	Loại hình	
1	Tâm Như Trà nõn	Thực phẩm	Chè	Chè tươi, chế biến	Chè tôm nõn	3	2021	HTX nông sản Phú Đạt	HTX	Xã Sơn Phú
2	Trà ATK Sơn Phú	Thực phẩm	Chè	Chè tươi, chế biến	Chè móc câu	3	2022			
3	Long Vân Trà	Thực phẩm	Chè	Chè tươi, chế biến	Chè tôm nõn	3	2021	HTX dịch vụ nông nghiệp Phú Hội	HTX	Xã Sơn Phú
4	Cốm Nếp Vải Sơn Vinh	Thực phẩm	Thực phẩm chế biến	Chế biến từ gạo, ngũ cốc		3	2023	THT sản xuất cốm nếp vải Sơn Vinh	THT	Xã Sơn Phú

- Duy trì, phát triển sản phẩm năm 2026: Đến thời điểm hiện tại có 3 sản phẩm OCOP 3 sao đã hết hạn (các chủ thể đã không thực hiện việc ra hạn cho các sản phẩm đã hết hạn). Hiện còn 01 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn là sản phẩm Cốm nếp Vải Sơn vinh của Tổ hợp tác sản xuất cốm nếp Vải Sơn Vinh.

Để đảm bảo đạt tiêu chí số 3.4.2. Xã có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc ít nhất có 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên thì cần ra hạn sản phẩm OCOP 3 sao Cốm nếp vải Sơn Vinh (hết hạn ngày 29/11/2026) và phát triển thêm 01 sản phẩm OCOP 3 sao.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tháo gỡ khó khăn và hoàn thành mục tiêu đạt xã Bình Thành đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2026 theo đúng lộ trình đề ra, UBND xã Bình Thành đề xuất và kiến nghị các cơ quan cấp trên quan tâm, hỗ trợ một số nội dung sau:

Đối với Sở Xây dựng về tiêu chí về Quy hoạch: Xã xác định công tác quy hoạch có vai trò quan trọng, là cơ sở định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, đầu tư kết cấu hạ tầng và triển khai thực hiện các tiêu chí khác trên địa bàn. Tuy nhiên, theo đạo của UBND tỉnh về việc tạm dừng tổ chức lập quy hoạch, địa phương hiện chưa có cơ sở để triển khai thực hiện theo yêu cầu của tiêu chí. Đề nghị các sở, ngành quan tâm hướng dẫn cụ thể về phương pháp đánh giá, xác định mức độ đạt tiêu chí trong thời gian tạm dừng lập quy hoạch, làm cơ sở để địa phương tổ chức thực hiện và hoàn thiện hồ sơ đánh giá theo quy định.

Đối với yêu cầu bảo trì, duy tu hệ thống giao thông: Đề nghị hướng dẫn cụ thể việc thực hiện nội dung "đường giao thông được bảo trì hằng năm". Đối với địa bàn xã rộng, số lượng tuyến đường lớn, nhu cầu duy tu, sửa chữa cao trong khi nguồn lực ngân sách hạn chế, đề nghị làm rõ việc bảo trì có phải thực hiện đối với 100% các tuyến đường trong cùng một năm hay được phép xây dựng kế hoạch, lộ trình bảo trì theo từng năm, từng tuyến, từng mức độ hư hỏng và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương. Đồng thời, đề nghị hướng dẫn việc giao các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia quản lý, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường có được xem là một hình thức thực hiện yêu cầu bảo trì hằng năm hay không.

Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Công an tỉnh: Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn giải pháp tích hợp phần mềm và hỗ trợ triển khai lắp đặt, vận hành hệ thống camera AI giám sát an ninh và mô hình Thôn thông minh.

Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn công tác chứng nhận vùng chè nguyên liệu sản xuất theo tiêu chuẩn gắn với cấp mã số vùng trồng chè tập trung, chuyển giao kỹ thuật áp dụng công nghệ tưới tiên tiến và hỗ trợ các chủ thể hoàn thiện hồ sơ chuẩn hóa nâng hạng sản phẩm OCOP từ 3 sao lên 4 sao.

Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 là một chương trình có ý nghĩa chính trị - xã hội vô cùng sâu sắc, là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội xã Bình Thành phát triển toàn diện sau sáp nhập. Mặc dù khối lượng công việc cần thực hiện còn rất lớn và gặp nhiều khó khăn về nguồn lực đầu tư, nhưng với sự lãnh đạo tập trung của Đảng ủy, sự điều hành quyết liệt của UBND xã, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và đặc biệt là sự đồng thuận, chung sức của Nhân dân, xã Bình Thành quyết tâm khắc phục khó khăn, hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2026.

2. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục hướng dẫn xã và các chủ thể trong việc duy trì, phát triển, đánh giá, phân hạng và phân hạng lại và nâng hạng sản phẩm OCOP; hỗ trợ tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Đề nghị các sở, ngành liên quan quan tâm hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP; hỗ trợ các chủ thể tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm.

Đề nghị quan tâm bố trí, lồng ghép nguồn lực để hỗ trợ các chủ thể hoàn thiện cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng và quảng bá sản phẩm.

UBND xã Bình Thành cam kết phát huy cao độ tỉnh thần trách nhiệm, tập trung toàn bộ hệ thống chính trị và nhân dân, quyết tâm hoàn thành toàn diện 10/10 tiêu chí và 47/47 chỉ tiêu, hoàn thành xã Bình Thành đạt nông thôn mới năm 2026 đúng lộ trình kế hoạch được giao./.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình MTQG, rà soát đánh giá thực trạng các tiêu chí nông thôn mới năm 2026 xã Bình Thành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ban Chỉ đạo NTM xã;
- Các xóm trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ BÌNH THÀNH T. THÁI NGUYÊN

Nguyễn Anh Tấn